

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I
TỈNH KON TUM
Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày: 20/9/2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I - TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phú Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Cao và ông Vi Văn Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Khánh Lựu – Thư ký TAND huyện I, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HS, ngày 01 tháng 9 năm 2021; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 9 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo: Trần Văn N, sinh ngày 20/9/1977 tại Hà Nam; Nơi cư trú: Làng K, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Có cha là Trần Văn Đ (đã chết) và mẹ là bà Trần Thị D; sinh năm 1948. Hiện làm nông và sinh sống tại xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Có vợ là bà Puih X (chưa đăng ký kết hôn), sinh năm 1979. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bắt **tạm giữ, tạm giam** từ 13/01/2021 cho đến nay. (Có mặt)

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông KSor Y, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Làng K, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988. Trú tại: 379 Phan Đình Phùng, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

- Anh Ngô Thành T, sinh năm 1997. Trú tại: 192/35A Trường Sơn, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Cùng địa chỉ nơi làm việc: Đoàn Biên phòng 715, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum.

- Anh Nguyễn Thanh T. Địa chỉ: Thôn 8, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 12/01/2021 Trần Văn N, SN: 1977, trú tại Làng K – xã I – huyện I – tỉnh Gia Lai điều khiển xe máy BKS: 81B2-811.19 vào Thôn 8 – xã I – huyện I – tỉnh Kon Tum để làm mì; khi đi đến cầu Sê San thì gặp một người tên Th (không rõ nhân thân, lai lịch). Tại đây, Th nói với N là đi bốc hàng cùng với Th và Th sẽ trả công là 1.000.000 đồng thì N đồng ý. Sau đó, N đi xe máy của mình, còn Th điều khiển xe máy không biển số cùng đi vào khu vực Mốc 24.5(2) bờ sông Sa Thầy thuộc địa phận Thôn 8 – xã I – huyện I. Lúc này, cả hai dừng xe trên bờ và Th bảo N ngồi đợi còn Th lên xuống máy đi qua sông (phía Campuchia); khoảng 30 phút sau Th quay lại và đón N cùng lên xuống để đi bốc hàng, khi đến khu vực đất trống giáp biên giới Campuchia thì Th bảo N lên bốc hàng còn Th ở dưới xuống đợi. Lúc này, N đi lên thấy có 05 (năm) bao tải màu đỏ nên đã bốc hết lên xuống rồi cùng Th quay lại khu vực để xe; quá trình bốc và vận chuyển nên các bao tải bị rách, lúc này N biết trong bao là pháo nhưng vì muốn nhận được số tiền 1.000.000 đồng mà Th đã hứa hẹn sẽ trả sau khi xong việc nên N vẫn tiếp tục vận chuyển toàn bộ số pháo trên cùng Th. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày thì bị lực lượng Đoàn Biên phòng Sê San và Đội Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm – Bộ đội Biên phòng tỉnh Kon Tum phát hiện, cả hai liền nhảy xuống sông để trốn thoát, Tổ công tác tiến hành truy bắt được đối tượng Trần Văn N, còn đối tượng tên Th đã trốn thoát. Sau đó, Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản vụ việc, kiểm tra phát hiện trên xuống có 05 (năm) bao tải màu đỏ, bên trong mỗi bao tải có chứa: 02 thùng catton bên ngoài có kí hiệu “4049 8/1” kích thước (34cm x 34cm x 20 cm) và 04 hộp giấy màu nâu; kiểm tra bên trong mỗi thùng catton có chứa 08 (tám) hộp giấy màu nâu giống như các hộp bên ngoài. Tổng trong mỗi bao tải có chứa 20 hộp giấy màu nâu và tổng trong 05 bao tải có chứa 100 hộp giấy màu nâu bên ngoài mỗi hộp có ghi chữ “RICH FLOWER 4049” và có kích thước (16,5cm x 16,5cm x 10cm).

Tại kết luận giám định số 75/C09C-Đ2 ngày 16/01/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng đã kết luận: 100 (một trăm) khối hộp (mỗi khối có kích thước 16,5cm x 16,5cm x 10cm; vỏ ngoài bọc giấy màu có in hoa văn và dòng chữ RICH FLOWER 4049; bên trong mỗi khối hộp có 49 ống giấy hình trụ tròn được liên kết với nhau) gửi giám định đều là pháo hoa nổ, tổng khối lượng là 176,8 kg (một trăm bảy mươi sáu phẩy tám kilôgam).

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 01/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn N về tội “ *Vận chuyển hàng cấm*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn N về tội “ *Vận chuyển hàng cấm*”. Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 191 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 7 (bảy) đến 8 (tám) năm tù về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

*** Về xử lý vật chứng của vụ án:**

- Đối với 100 hộp giấy màu nâu, bên ngoài có ghi chữ “RICH FLOWER 4049” có kích thước (16,5cm x 16,5cm x 10cm), bên trong mỗi khối hộp có 49 vật hình trụ tròn, vỏ giấy được liên kết với nhau – có tổng khối lượng là 175,8 kg (mẫu vật hoàn lại sau giám định). Các vật chứng nêu trên là vật cấm lưu hành và 05 bao tải đỏ đã không còn giá trị sử dụng nên có căn cứ để tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 2.500.000 đồng đã thu giữ của N. Quá trình điều tra đã xác định không phải số tiền do phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho N là có căn cứ.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng - là tiền công vận chuyển nhưng thực tế N chưa nhận được số tiền này nên không đề cập xử lý.

- 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn N, đây là căn cước công dân của bị cáo do đó hoàn trả lại cho bị cáo.

- Các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng có căn cứ để tịch thu sung quỹ Nhà nước bao gồm:

+ 01 xe mô tô, BKS: 81-B2.811.19, số khung RLCUE3740LY033837, số máy E32VE-10099. Quá trình điều tra đã xác định bị cáo N mua xe mô tô trên nhưng do không có hộ khẩu tại tỉnh Gia Lai nên bị cáo N nhờ Ksor Yêh đứng tên thay mình và bản thân Ksor Yêh cũng thừa nhận xe mô tô này là của bị cáo N.

+ 01 xuống máy, vỏ làm bằng gỗ sơn màu vàng, xanh, đỏ, có kích thước dài 6,15m, đuôi rộng 0,59m, đầu rộng 0,15m, chỗ rộng nhất 0,86m.

- Tiếp tục lưu giữ đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Ksor Yêh để đảm bảo thi hành án đối với 01 xe mô tô, BKS: 81-B2.811.19, số khung RLCUE3740LY033837, số máy E32VE-10099.

- Trả lại 01 điện thoại NOKIA phím bấm màu đen đã qua sử dụng; 01 đồng hồ dây da, nhãn hiệu AIER, dây da màu nâu

* Đối với 03 xe mô tô gồm: 01 xe mô tô không có biển số, số khung RLCS5C6H0FY134077, số máy 506H-434005; 01 xe mô tô, BKS: 81P1-32797, số khung RLHJA3645LY004029, số máy JA36E-0845736; 01 xe mô tô, biển số: 81K4-5525, không có số khung, số máy 5B92-004964 – Quá trình điều tra đã xác định không phải xe của bị cáo N, có 01 xe của đối tượng tên Th nhưng hiện chưa xác định được đối tượng này và 02 xe do Đoàn Biên phòng Sê San thu giữ, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, không phải vật chứng trong vụ án. Do đó, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục bảo quản và xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong nội dung của bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum truy tố. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị nhục hình buộc phải nhận tội. Đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt, hình phạt bổ sung đối với bị cáo là đúng, bị cáo không có tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, hành vi của bị cáo là trái pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra Công an huyện I tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra là khách quan phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản khám nghiệm hiện trường, Bản Kết luận giám định và các tài liệu khác đã được điều tra, thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 16 giờ 00 ngày 19/01/2021, muốn có tiền tiêu xài cho cá nhân nên bị cáo đã đồng ý với đối tượng tên Th về việc vận chuyển pháo bằng xuồng từ bờ sông phía nước bạn Campuchia sang Mốc 24.5(2) khu vực bờ sông Sa Thầy phía Việt Nam (thuộc thôn 8, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum). Trong khi vận chuyển, bị cáo đã bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang người cùng tang vật vụ án là 100 hộp giấy màu nâu bên ngoài mỗi hộp có ghi chữ “RICH FLOWER 4049” và có kích thước (16,5cm x 16,5cm x 10cm) với tổng khối lượng là 176,8 kg (*một trăm bảy mươi sáu phẩy tám kilôgam*). Tại Bản Kết luận giám định số 75/C09C-Đ2, ngày 16/01/2021 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Đà Nẵng, xác định số hàng bị cáo N tham gia vận chuyển là pháo hoa nổ. Do đó, Hành vi trên của bị cáo Trần Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vận chuyển hàng cấm*” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 10/CT-VKS, ngày 01/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum truy tố là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Lẽ ra khi ra tù bị cáo không lấy đó làm bài học để tự kiểm chế bản thân, xử sự đúng theo quy định pháp luật mà còn phạm tội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được pháo là hàng hóa mà Nhà nước cấm sản xuất, tàng trữ và lưu thông trên thị trường nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc nhất tương xứng với hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra, buộc cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Đối với đối tượng tên Th: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh nhưng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra, khi nào đủ chứng cứ sẽ xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 100 hộp giấy màu nâu, bên ngoài có ghi chữ “RICH FLOWER 4049” có kích thước (16,5cm x 16,5cm x 10cm); bên trong mỗi hộp có 49 vật hình

trụ tròn, vỏ giấy được liên kết với nhau – có tổng khối lượng là 175,8 kg được niêm phong trong 07 bao tải màu đỏ; 05 bao tải màu đỏ đã qua sử dụng. Các vật chứng nêu trên là vật cấm lưu hành và 05 bao tải đỏ đã không còn giá trị sử dụng nên có căn cứ để tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô, BKS: 81B2- 811.19, số khung RLCUE3740LY033837, số máy E32VE-100991 (*tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong*) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên KSor Yêh. Trong quá trình điều tra, đã xác định bị cáo N đã mua xe mô tô này nhưng nhờ ông Ksor Yêh đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô thay cho bị cáo vì bị cáo không có sổ hộ khẩu tại tỉnh Gia Lai nên không thể đứng tên trên giấy đăng ký xe này được và bản thân Ksor Yêh cũng thừa nhận xe mô tô này là của bị cáo N. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng xe mô tô trên là của bị cáo cũng là công cụ, phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ.

- Tiếp tục tạm giữ đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên KSor Yêh để đảm bảo thi hành án đối với 01 xe mô tô, BKS: 81-B2.811.19, số khung RLCUE3740LY033837, số máy E32VE-100991.

- 01 xuồng máy, vỏ làm bằng gỗ sơn màu vàng, xanh, đỏ, có kích thước dài 6,15m, đuôi rộng 0,59m, đầu rộng 0,15m, chỗ rộng nhất 0,86m. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện I đã tiến hành thông báo truy tìm chủ sở hữu tuy nhiên đã hết thời hạn chưa có ai đến nhận. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng có căn cứ để tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ.

- Quá trình điều tra đã xác định số tiền 2.500.000 đồng đã thu giữ của bị cáo N không phải là số tiền do phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho N là có căn cứ.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà đối tượng tên Th hứa trả cho công vận chuyển cho bị cáo nhưng thực tế bị cáo chưa nhận được số tiền này nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Trả lại 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn N, đây là căn cước công dân của bị cáo do đó Hội đồng xét xử thấy rằng hoàn trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- 01 điện thoại NOKIA phím bấm màu đen đã qua sử dụng; 01 đồng hồ dây da, nhãn hiệu AIER, dây da màu nâu – Các tài sản trên không phải là vật chứng trong vụ án nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 7 (*bảy*) năm 6 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (13/01/2021).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau:

+ 100 hộp giấy màu nâu, bên ngoài có ghi chữ “RICH FLOWER 4049” có kích thước (16,5cm x16,5cm x10cm); bên trong mỗi hộp có 49 vật hình trụ tròn, vỏ giấy được liên kết với nhau – có tổng khối lượng là 175,8 kg được niêm phong trong 07 bao tải màu đỏ (mẫu vật hoàn lại sau giám định);

+ 05 bao tải màu đỏ đã qua sử dụng.

-Tịch thu sung quỹ Nhà nước các tang vật sau:

+ 01 xe mô tô, BKS: 81B2- 811.19, số khung RLCUE3740LY033837, số máy E32VE-100991 (*tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong*).

+ 01 xuống máy, vỏ làm bằng gỗ sơn màu vàng, xanh, đỏ, có kích thước dài 6,15m, đuôi rộng 0,59m, đầu rộng 0,15m, chỗ rộng nhất 0,86m. (*tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong*).

- Tiếp tục tạm giữ đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên KSor Yêh để đảm bảo thi hành án đối với 01 xe mô tô, BKS: 81-B2.811.19, số khung RLCUE3740LY033837, số máy E32VE-100991.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn N: 01(*một*) chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn N. Bị cáo được nhận lại giấy tờ này khi chấp hành xong án phạt tù (giấy CMND này được giữ tại Cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Kon Tum).

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn N: 01 điện thoại NOKIA phím bấm màu nâu đen đã qua sử dụng; 01 dây đồng hồ da, nhãn hiệu AIER, dây da màu nâu (*tình trạng đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong*).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 09 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện I và Cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Kon Tum).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2021) bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện I, tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện I, tỉnh Kon Tum (khi bản án có hiệu lực);
- Công an huyện I;
- Trại tạm giữ Công an huyện I;
- UBND xã/phường/thị trấn (nơi cư trú của bị cáo);
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ PV27 Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phú Lợi